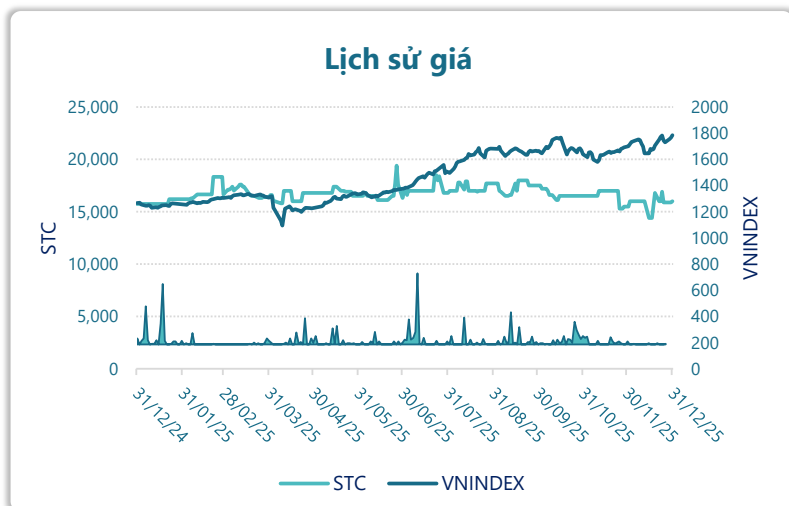


CTCP Sách và Thiết bị trường học Thành phố Hồ Chí Minh (HNX: STC)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	16,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,400
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	14,400
SL cổ phiếu LH	5,665,530
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,295
% sở hữu nước ngoài	2.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	91
P/E	8.5
EPS	1,874

DT thuần

Q4/25

97.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼62.9| -39.3%

YoY: ▼79.9| -45.2%

LN sau thuế

Q4/25

2.03

tỷ VNĐ

QoQ: ▼1.21| -37.2%

YoY: ▼5.31| -72.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

3.0%

+/- YoY: ▼ 0.5%

DT thuần

2025

398

tỷ VNĐ

YoY: ▼92.0| -18.8%

LN sau thuế

2025

10.7

tỷ VNĐ

YoY: ▼4.20| -28.2%

ROE

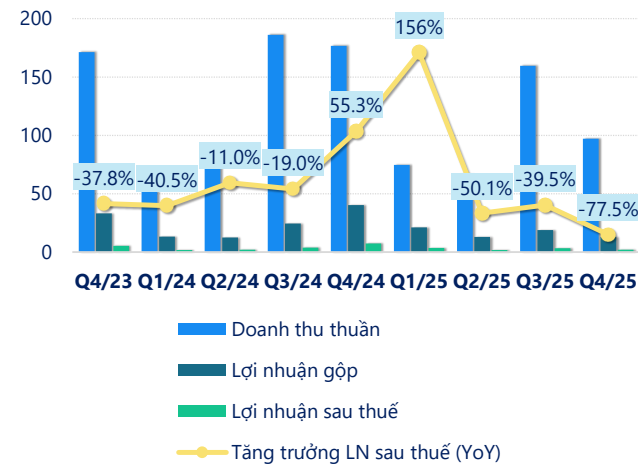
2025

7.7%

+/- YoY: ▼ 2.7%

tỷ VNĐ

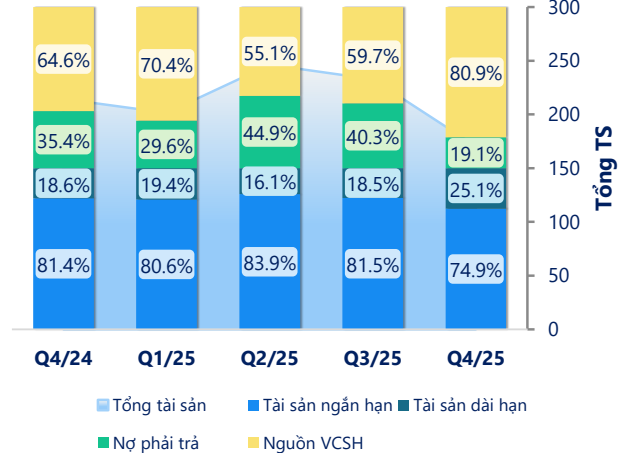
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

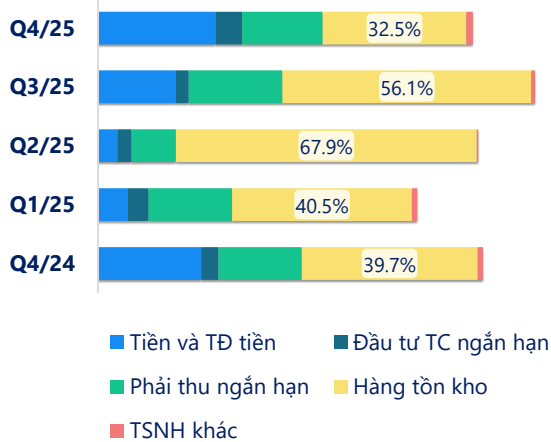
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



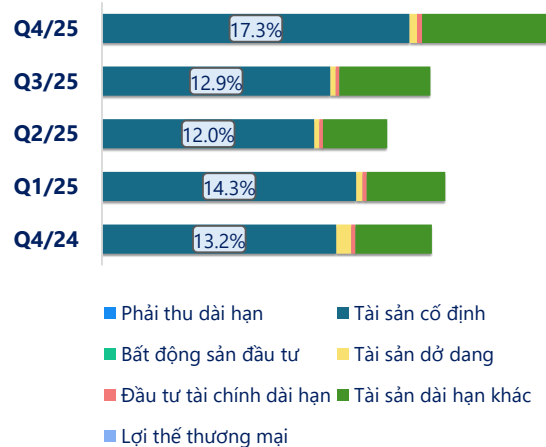
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

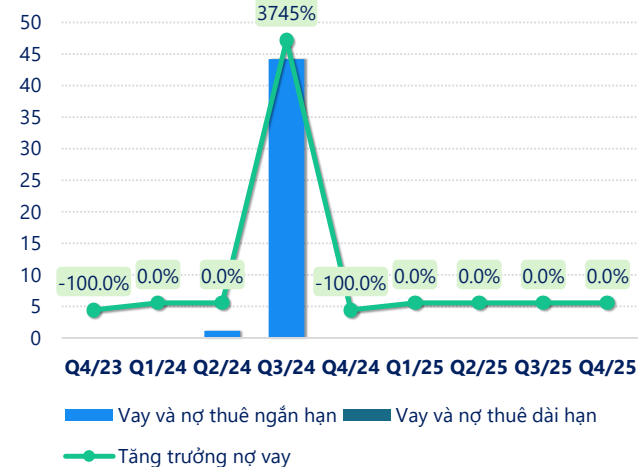
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

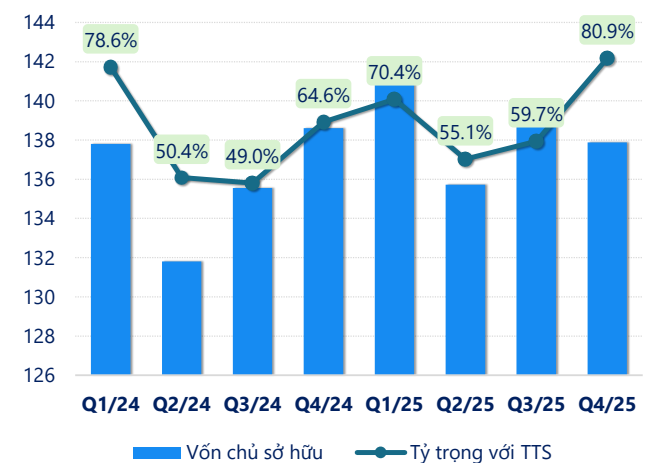
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



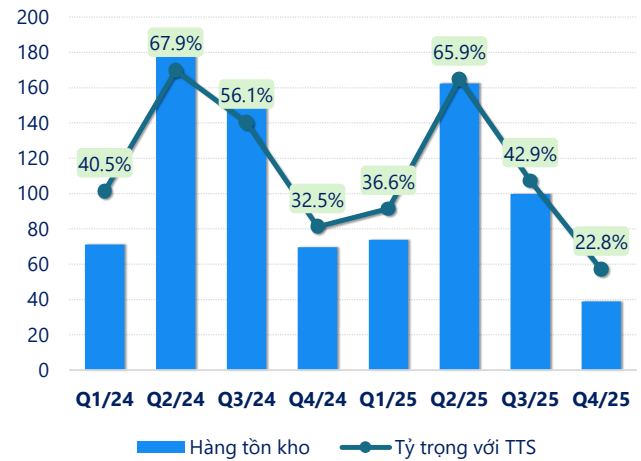
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

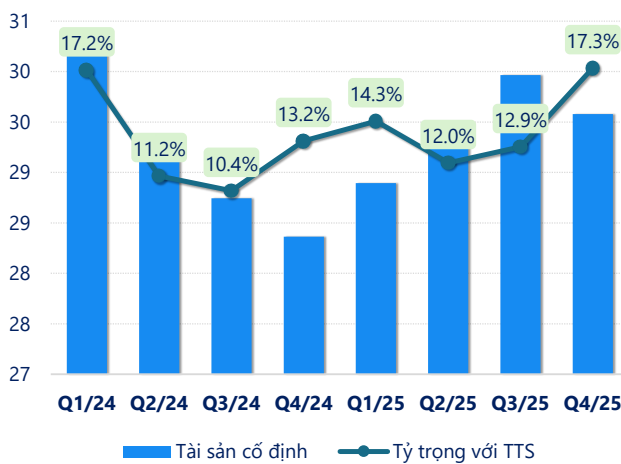

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


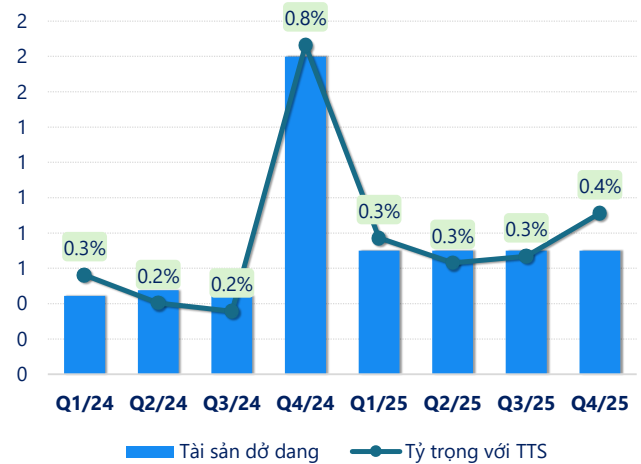
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

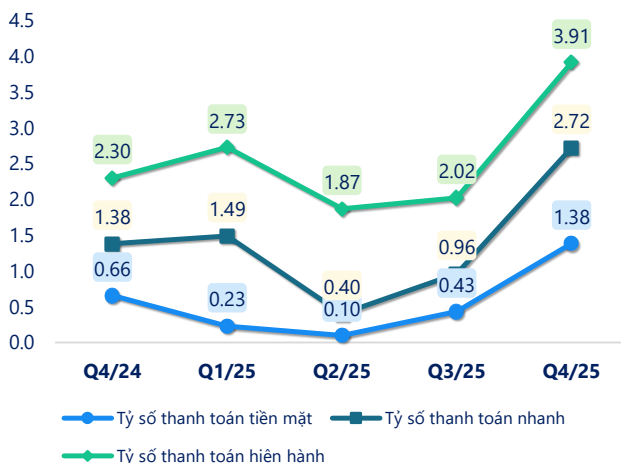
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

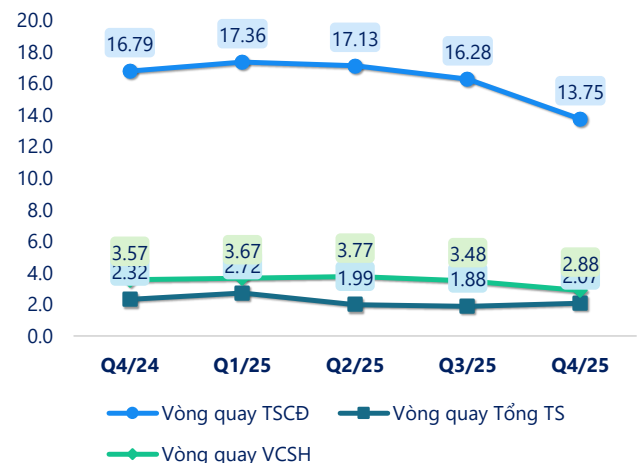
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	215	202	246	233	171
Tài sản ngắn hạn	175	162	207	190	128
Tiền và tương đương tiền	49.9	13.6	10.9	40.7	45.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	13.0	13.0	13.0	13.0	13.6
Phải thu ngắn hạn	38.9	58.9	19.6	31.2	24.0
Hàng tồn kho	69.6	73.7	162	99.7	38.9
Tài sản ngắn hạn khác	3.17	3.30	0.87	4.94	6.02
Tài sản dài hạn	39.9	39.0	39.7	43.1	42.8
Phải thu dài hạn	0.02	0.02	0.02	0.02	0.02
Tài sản cố định	28.4	28.9	29.5	30.0	29.6
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.80	0.70	0.70	0.70	0.70
Đầu tư tài chính dài hạn	0.49	0.49	0.49	0.49	0.49
Tài sản dài hạn khác	9.27	8.92	8.96	12.0	12.0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	75.9	59.6	111	93.7	32.6
Nợ ngắn hạn	75.9	59.6	111	93.7	32.6
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	30.8	34.4	92.3	63.3	10.6
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	139	142	136	139	138
Vốn chủ sở hữu	139	142	136	139	138
Vốn điều lệ	56.7	56.7	56.7	56.7	56.7
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)